

I. LUẬN CỨ VỀ NGOẠI THƯƠNG

Nền kinh tế thế giới một mặt vừa tăng tính nhất thể hóa, biểu hiện ở sự phân công lao động, liên kết, phụ thuộc lẫn nhau giữa kinh tế các nước ngày càng trở nên chặt chẽ, vừa mâu thuẫn, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Và thị trường cùng với sự ra đời của các tổ chức GATT, NAFTA, OPEC, EU, ASEAN... là trận địa, nơi hội tụ, phản ánh tập trung sự liên kết trong mâu thuẫn và cuộc chiến tranh không khoan nhượng giữa những nền kinh tế khác nhau đó trên toàn cầu.

Vấn đề này, về lí luận cũng như thực tiễn có thể tóm lại ở mấy luận điểm và mô hình cơ bản như sau:

1. Quan điểm của những người theo phái trọng thương (thế kỷ XV - XVII). Họ cho rằng sự phồn thịnh của một quốc gia được đo lường bởi khối lượng tiền tệ (vàng bạc) của quốc gia đó. Và để tăng của cải quốc gia, phải chiếm lĩnh được thị trường thế giới bằng chính sách đảm bảo cho ngoại thương xuất siêu. Với ý nghĩa đó, họ cho rằng lưu thông, trao đổi là nguồn gốc của cải và làm tăng lợi nhuận.

Lí luận này xuất phát từ thực tiễn nền kinh tế thế giới lúc bấy giờ là ưu thế của thương mại "dê" ra ưu thế của công nghiệp. Ở nước ta, lí thuyết này được khái quát qua câu châm ngôn "phí thương bất phú".

2. Quan điểm hoàn toàn đứng trên lập trường lí luận giá trị - lao động thì phủ nhận vai trò của lưu thông, trao đổi hàng hóa trong việc tạo ra giá trị và giá trị gia tăng. Tuy vậy quan điểm này cũng thừa nhận sự tác động trở lại đối với sản xuất là lĩnh vực tạo ra giá trị và làm tăng giá trị lên. Như vậy, theo quan điểm này thì dù lưu thông trao đổi không trực tiếp làm tăng của cải nhưng gián tiếp kích thích quá trình gia tăng giá trị.

3. Luận điểm của D. Ricardo và sự phát triển luận điểm này của các nhà kinh tế trong quy luật lợi thế so sánh: Theo nội dung của quy luật lợi thế so sánh thì mỗi nước có những điều kiện khác nhau về tài nguyên thiên nhiên, lao động, kỹ thuật, tư bản... Do vậy, chi phí sản xuất, năng suất lao động và giá

cả của cùng một loại hàng hóa được tạo ra trong mỗi nước khác nhau không giống nhau. Bởi vậy mỗi nước nên chuyên môn hóa vào việc sản xuất những mặt hàng mà mình có thể sản xuất được với chi phí tương đối thấp hơn so với nước khác và bán những hàng hóa đó trên thị trường thế giới để mua những mặt hàng khác mà đối với họ việc sản xuất lại có lợi hơn.

Khi chứng minh lí thuyết lợi thế so sánh, D. Ricardo trong tính toán chi phí sản xuất chỉ tính chi phí lao động, sau này được các nhà kinh tế học Thụy Điển Eli Hecuscher - Ohlin mở rộng

ra khái niệm chi phí cơ hội của một mặt hàng, và giải thích những nguyên nhân tại sao chi phí cơ hội của một mặt hàng lại có thể khác biệt ở các nước khác nhau. Do đó phát triển buôn bán quốc tế sẽ tạo ra động lực phát triển kinh tế của mỗi nước.

Nhưng trình độ phát triển của các nước vốn không đồng đều, nên một câu hỏi đặt ra, liệu những nước kém phát triển, năng suất lao động thấp có thể thu được lợi lộc gì từ hoạt động thương mại quốc tế hay không?

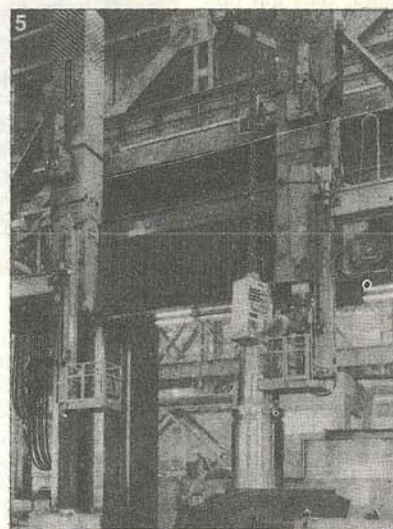
Có thể trả lời câu hỏi này bằng ví dụ sau:

	Mỹ	Việt Nam
Hao phí lao động (tính bằng giờ) để sản xuất ra:		
- Gạo (1 tấn)	4 giờ	5 giờ
- Ô tô (1 chiếc)	20 giờ	30 giờ
Giá tương đối (số tấn gạo đổi lấy ô tô)	5 tấn gạo = 1 ô tô	6 tấn gạo = 1 ô tô

trong suốt nửa đầu thế kỷ XX. Dưới những điều kiện xác định, Hecuscher - Ohlin đề cập thêm nhiều yếu tố chi phí sản xuất và có tính ứng dụng. Hecuscher - Ohlin chứng minh rằng, một nước xuất khẩu các sản phẩm sử dụng nhiều yếu tố sản có trong nước để tăng cường sản xuất và nhập khẩu các sản phẩm đòi hỏi tương đối nhiều các yếu tố sản xuất khan hiếm ở trong nước. Điều đó đưa đến mỗi nước có thể sản xuất nhiều hơn mặt hàng là thế mạnh của mình và hai nước tham gia trao đổi sẽ đảm bảo tiêu thụ được nhiều hơn cả hai loại sản phẩm.

Còn nhà kinh tế học Mĩ Điện Ula Myint nghiên cứu ở một phần châu Phi và châu Á cũng đi đến kết luận rằng, sự phát triển của thương mại quốc tế đã làm cho đất đai, lao động ở những khu vực này được sử dụng có hiệu quả hơn trong việc sản xuất ra các loại thực phẩm nhiệt đới xuất khẩu.

Tiếp tục phát triển luận điểm này, các nhà kinh tế đưa



NGOẠI THƯƠNG VÀ CHIẾN LƯỢC CÔNG NGHIỆP HÓA HƯỚNG VỀ XUẤT KHẨU

PTS. ĐÌNH SƠN HÙNG

8 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Bảng trên cho thấy năng suất lao động để sản xuất ra gạo và ô tô của Việt Nam đều thấp hơn của Mỹ. Ở Mỹ người ta tính toán như sau, tại thị trường nội địa Mỹ, một ô tô bán đi có thể mua được 6 tấn gạo. Buôn bán quốc tế được thực hiện, nếu bán 1 ô tô cho Việt Nam, Mỹ có thể mua được 6 tấn gạo. Còn Việt Nam phải sản xuất và bán 6 tấn gạo mới mua được 1 ô tô ở thị trường trong nước. Nhưng Việt Nam chỉ cần bán 5 tấn gạo tại Mỹ đã mua được 1 ô tô, 1 tấn gạo dư ra để dành phục vụ cho nhu cầu trong nước.

Từ những vấn đề trình bày, có thể rút ra kết luận bất cứ nước nào cũng có thể tăng thu nhập thực tế của mình thông qua buôn bán quốc tế, kể cả những nước nhỏ, năng suất lao động thấp. Bởi vì thị trường thế giới tạo ra cơ hội để mỗi nước có thể mua hàng hóa với giá thấp hơn giá của cùng loại hàng hóa đang lưu hành trong nước nếu không có trao đổi hàng hóa với bên ngoài. Do vậy thu nhập thực tế của các tầng lớp dân cư sẽ tăng lên và cao hơn cả khi đã sử dụng tối ưu tiềm năng giới hạn của nền kinh tế nhưng không có ngoại thương. Thu nhập tăng sẽ làm tăng tích lũy, dẫn đến tăng đầu tư mới cho quá trình công nghiệp hóa (CNH).

II. CNH HƯỚNG MANH VỀ XUẤT KHẨU, KẾT HỢP THAY THẾ NHẬP KHẨU VÀ NGOẠI THƯƠNG

1. CNH hướng về xuất khẩu và ngoại thương

Đây là phương thức phát triển kinh tế nói chung và ngoại thương nói riêng theo hướng tăng thu nhập để tăng tích lũy và tăng sản xuất thông qua xuất khẩu. Hướng đi này sẽ tạo ra những tác dụng tích cực cơ bản sau đây:

- Đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu là điều kiện quyết định để mở rộng buôn bán quốc tế. Trên cơ sở đó mà các nguồn tài nguyên chưa được khai thác sẽ trở nên có giá trị, những nguồn tài nguyên đã và đang được khai thác sẽ sử dụng có hiệu quả hơn do tận dụng được lợi thế so sánh và ưu thế mới về mở rộng quy mô sản xuất tối ưu.

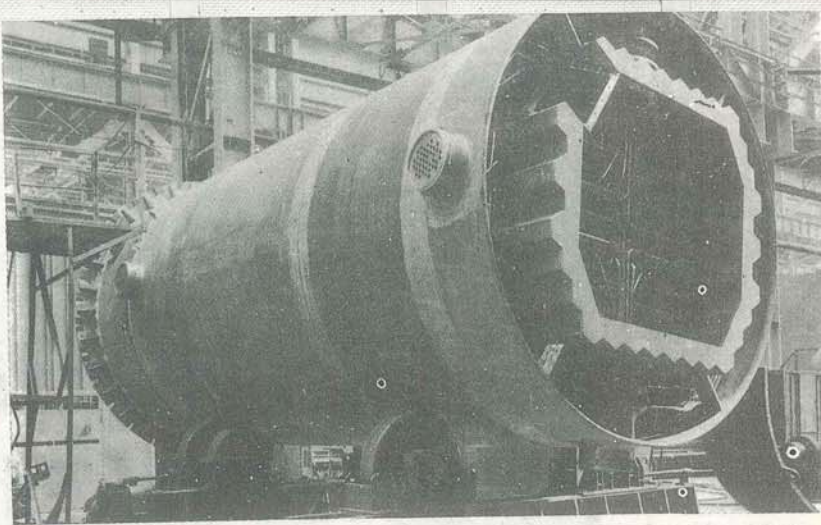
- Tạo điều kiện giải quyết việc làm.

- Tạo ra một số lĩnh vực sản xuất có tác dụng thúc đẩy phát triển bởi sự cộng hưởng mang tính chất dây chuyền trong nền kinh tế quốc dân.

- Gắn chặt sự phân công lao động trong nước với sự phân công lao động quốc tế, thị trường trong nước với thị trường thế giới.

- Tăng nguồn thu trong cán cân thanh toán quốc tế.

- Hạn chế dần tỷ trọng xuất khẩu hàng sơ chế là loại hàng hóa mà nhìn chung giá cả thực tế có xu hướng ngày càng giảm do trên thị trường thế giới cũng tăng nhưng cầu lại giảm. Mặt khác, giá cân bằng của hàng sơ chế



thường dễ biến động vì cả cung lẫn cầu của loại hàng này đều không cố định theo giá. Do đó thu nhập từ xuất khẩu hàng sơ chế không ổn định, bởi hệ số co giãn của cầu hàng sơ chế nhỏ hơn 1.

- Phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới. Theo số liệu thống kê, giá trị thực tế nền thương mại quốc tế mở rộng nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng bình quân 8%/năm từ 1950 và đạt mức tăng nhanh hơn so với thu nhập thế giới.

Đối với Việt Nam, những năm gần đây ngoại thương cũng đã đạt được những tiến bộ ban đầu. Biểu hiện ở chỗ kim ngạch xuất khẩu gia tăng nhanh chóng, năm 1989 so với 1987 tăng 47%, 1991: 24%, 1992: 21%, và 1993: 21%.

Bên cạnh đó cán cân thanh toán cũng ngày càng được cải thiện. Từ xuất 1, nhập 4 trước đây đã dần dần giảm xuống và đến 1992 thì đạt được cân bằng, 1993 còn xuất siêu một tỷ lệ hợp lý.

2. Ngoại thương và CNH theo hướng sản xuất hàng tiêu dùng thay thế hàng nhập khẩu

Đi theo hướng này tất yếu phải thực hiện những biện pháp bảo hộ và khuyến khích sản xuất, tiêu thụ hàng hóa trong nước như:

- Thiết lập hàng rào thuế quan.
- Nhập khẩu theo chế độ quota.
- Cấm nhập khẩu những mặt hàng nào đó.

- Những chính sách kinh tế vĩ mô khác như: miễn, giảm thuế cho hàng sản xuất trong nước, trợ giá, thiết lập hệ thống hối đoái nhiều tỷ giá với ưu đãi cho hàng sản xuất trong nước.

CNH và ngoại thương theo hướng này bộc lộ nhiều nhược điểm hơn so với ưu điểm.

Những ưu điểm chính là:

- Để sản xuất hàng thay thế nhập khẩu, đương nhiên phải xây dựng thêm doanh nghiệp mới. Do vậy tạo điều kiện thu hút thêm lao động, giải quyết việc làm.

- Cùng với thời gian, một số doanh nghiệp nếu hoạt động có hiệu quả thì

đến một giai đoạn nào đó sẽ không cần đến sự bảo hộ nữa mà vẫn có thể cạnh tranh được trên thị trường.

Nhược điểm:

- Hạn chế sự phát triển của ngoại thương, thâm hụt trong cán cân thanh toán vẫn tăng lên. Vì để sản xuất hàng thay thế nhập khẩu, hàng năm vẫn phải nhập khẩu một số lớn vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc.

- Không tận dụng được nguyên tắc lợi thế so sánh tương đối và gây lãng phí vì chi phí sản xuất quá lớn, giá cả hàng hóa quá cao so với giá quốc tế, làm cho thu nhập thực tế của dân cư giảm sút.

- Một số nhà sản xuất ít quan tâm đến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm vì không phải chịu sức ép của cạnh tranh.

- Như các nhà kinh tế thuộc trường phái chính hiện đại nhận định thương mại tự do hơn giúp một ít cho mọi người trong khi bảo hộ giúp rất nhiều cho một số ít người.

Do đó sản xuất hàng thay thế nhập khẩu chỉ thực hiện đối với những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả chứ không phải là đối với mọi loại hàng hóa và bằng bất kỳ giá nào. Bên cạnh đó chính sách bảo hộ cũng không phải là dành cho mọi loại hàng hóa và kéo dài hết năm này sang năm khác.

Tóm lại, chiến lược CNH và chiến lược ngoại thương giống như hai anh em song sinh vậy. Nhập khẩu đóng vai trò cung cấp trang thiết bị hiện đại và đầu vào cần thiết để CNH, làm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất nhờ đó tăng xuất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế của các loại hàng hóa. Điều này lại tạo điều kiện để mở rộng nhập khẩu và CNH. Do vậy khi nhập siêu thì biện pháp cần đối ngoại thương không phải là giảm nhập mà phải là tăng xuất.

Tài liệu tham khảo:

- Kinh tế học của sự phát triển
- Nguyễn Mai, Đề cương một số vấn đề kinh tế đối ngoại ở nước ta.